

Số: 98 /QĐ - ĐHNN

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Khung phẩm chất và năng lực học sinh**  
**Trường THCS Ngoại ngữ, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN**  
**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 của Thủ tướng Chính Phủ về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 2755/QĐ-ĐHNN ngày 25/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ về việc ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ Trường trung học cơ sở, Trường trung học phổ thông và Trường trung học phổ thông có nhiều cấp học;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường THCS Ngoại ngữ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Khung phẩm chất và năng lực của học sinh Trường THCS Ngoại ngữ.

**Điều 2.** Khung phẩm chất và năng lực học sinh Trường THCS Ngoại ngữ quy định những nguyên tắc và định hướng chung cho các hoạt động giáo dục của Trường, có hiệu lực kể từ ngày 01/5/2019.

**Điều 3.** Trưởng các Phòng Hành chính – Tổng hợp, Phòng Đào tạo, Phòng Chính trị và Công tác Học sinh – Sinh viên và Trường THCS Ngoại ngữ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: HCTH, THCS NN, Ch5.



**Đỗ Tuấn Minh**

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

---

**KHUNG PHÂN CHẤT VÀ NĂNG LỰC  
HỌC SINH TRƯỜNG THCS NGOẠI NGỮ  
(CHÂN DUNG HỌC SINH THCS NGOẠI NGỮ)**

*Hà Nội, tháng 04 năm 2019*

**KHUNG PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC  
HỌC SINH TRƯỜNG THCS NGOẠI NGỮ  
(CHÂN DUNG HỌC SINH THCS NGOẠI NGỮ)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 968/QĐ-ĐHNN ngày 19/04/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội)*

### **1. Đặt vấn đề**

Ngày 28/7/2017, chương trình giáo dục phổ thông tổng thể chính thức được Ban chỉ đạo đổi mới chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông thông qua.

Cụ thể, chương trình giáo dục phổ thông tổng thể nêu lên 5 phẩm chất chủ yếu cần hình thành, phát triển ở học sinh là: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

Về năng lực, chương trình hướng đến 10 năng lực cốt lõi gồm:

- Những năng lực chung được tất cả các môn học và hoạt động giáo dục góp phần hình thành, phát triển: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Những năng lực chuyên môn được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học, hoạt động giáo dục nhất định: Năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất.

Bên cạnh việc hình thành, phát triển các năng lực cốt lõi, chương trình giáo dục phổ thông tổng thể còn góp phần phát hiện, bồi dưỡng năng lực đặc biệt (năng khiếu) của học sinh.

Trên cơ sở chân dung học sinh mới với 5 phẩm chất và 10 năng lực nói trên cùng với những đặc thù của mô hình giáo dục đang được thực hiện tại trường, nhóm soạn thảo đề xuất khung phẩm chất và năng lực học sinh Trường THCS Ngoại ngữ (còn gọi là “chân dung học sinh THCS Ngoại ngữ”).

Khung phẩm chất và năng lực học sinh Trường THCS Ngoại ngữ quy định các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh, quy định những nguyên tắc và định hướng chung cho các hoạt động giáo dục của trường (hoạt động dạy học, hoạt động hỗ trợ và hoạt động ngoại khóa).

### **2. Nguyên tắc xây dựng khung phẩm chất và năng lực học sinh Trường THCS Ngoại ngữ**

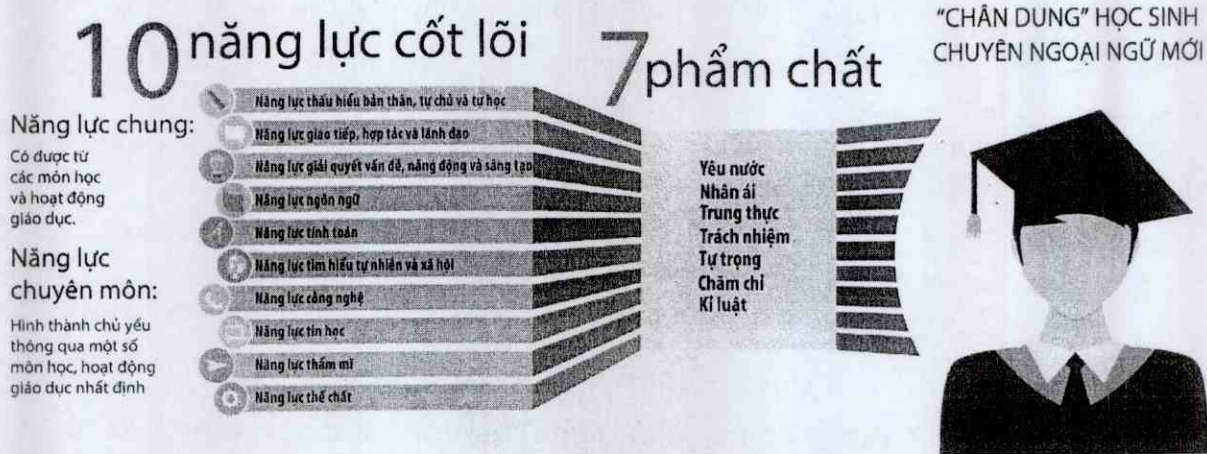
Việc xây dựng khung phẩm chất và năng lực học sinh Trường THCS Ngoại ngữ được thực hiện theo những nguyên tắc cơ bản sau đây:

- Khung phẩm chất và năng lực học sinh Trường THCS Ngoại ngữ phải được xây dựng dựa trên những biểu hiện về phẩm chất và năng lực học sinh quy định trong chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (gọi tắt là “chân dung học sinh mới”).

- Chân dung học sinh mới được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định theo 3 cấp (xếp theo thứ tự tăng dần: Tiểu học, THCS, THPT), kế thừa và phát triển những phẩm chất và năng lực đã đạt được ở những cấp trước đó. Vì vậy nhóm soạn thảo đề xuất khung phẩm chất và năng lực học sinh Trường THCS Ngoại ngữ gồm 7 phẩm chất và 10 năng lực giống như trong chân dung học sinh Trường THPT chuyên Ngoại ngữ nhưng ở cấp độ thấp hơn.
- Với mỗi phẩm chất trong khung phẩm chất và năng lực học sinh Trường THCS Ngoại ngữ, nhóm soạn thảo đề xuất cách viết thống nhất sau: **Khái niệm** (phẩm chất đó là gì?), **biểu hiện** (bản thân cần làm gì?), **phương hướng hành động** (tác động với xung quanh như thế nào?).
- Nhóm soạn thảo đề xuất bổ sung phẩm chất “tự trọng” và phẩm chất “kỷ luật”, bổ sung năng lực “tự chủ và tự học” thành năng lực “thấu hiểu bản thân, tự chủ và tự học”, bổ sung năng lực “giải quyết vấn đề và sáng tạo” thành năng lực “giải quyết vấn đề, năng động và sáng tạo”, đổi tên năng lực “giao tiếp và hợp tác” thành năng lực “giao tiếp, hợp tác và lãnh đạo”. Như vậy khung phẩm chất và năng lực học sinh Trường THCS Ngoại ngữ (cũng như chân dung học sinh Trường THPT chuyên Ngoại ngữ) gồm 7 phẩm chất và 10 năng lực.

### 3. Khung phẩm chất và năng lực học sinh Trường THCS Ngoại ngữ

#### 3.1. Tổng quan



(Đồ họa: Trần Thị Thu Hương)

#### 3.2. Phẩm chất và năng lực của học sinh THCS Ngoại ngữ

##### 3.2.1. Biểu hiện phẩm chất của học sinh

Phẩm chất	Học sinh THCS Ngoại ngữ
1. Yêu nước	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu thương, tự hào, quý trọng những giá trị vật thể, phi vật thể của quê hương, đất nước Việt Nam.</li> <li>- Có ý thức và hành động (tích cực, hiệu quả) nhằm bảo vệ thiên nhiên, tìm hiểu và phát huy truyền thống gia đình, dòng họ, quê hương, bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa.</li> <li>- Có trách nhiệm lan truyền lòng yêu nước thông qua những hành động của mình.</li> </ul>
<b>2. Nhân ái</b>	
2.1. Yêu quý mọi người	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồng cảm, thấu hiểu, yêu thương còn người thể hiện cụ thể bằng lời nói, hành động.</li> <li>- Biết thể hiện sự bất bình, biết đấu tranh để bảo vệ người khác khỏi những hành vi xâm hại an toàn và lợi ích chính đáng.</li> <li>- Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng.</li> </ul>
2.2. Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tôn trọng sự đa dạng cá tính, sự khác biệt về phẩm chất, năng lực, năng khiếu, sở thích, nghề nghiệp, hoàn cảnh sống và những sắc thái văn hoá dân tộc của từng cá nhân.</li> <li>- Có ý thức giao lưu học hỏi các nền văn hoá khác.</li> <li>- Cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ mọi người.</li> </ul>
<b>3. Trung thực</b>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận thức và hành động theo lẽ phải; biết nhận lỗi, sửa sai khi phạm sai lầm.</li> <li>- Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt, điều tốt.</li> <li>- Có ý thức tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống.</li> </ul>
<b>4. Trách nhiệm</b>	
4.1. Có trách nhiệm với bản thân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tích cực, tự giác chăm sóc, bảo vệ, hoàn thiện bản thân về trí tuệ, tâm hồn và thể chất.</li> <li>- Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói, hành động của bản thân.</li> <li>- Có ý thức và tìm cách khắc phục hậu quả do mình gây ra.</li> </ul>
4.2. Có trách nhiệm với gia đình	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ý thức làm tròn bổn phận với những người thân trong gia đình.</li> <li>- Biết chăm sóc, sẻ chia, bảo vệ gia đình.</li> <li>- Có ý thức tiết kiệm trong chi tiêu của cá nhân và gia đình.</li> </ul>
4.3. Có trách nhiệm với nhà trường và xã hội	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ý thức và hành động bảo vệ tài sản công, giữ gìn luật lệ của nhà trường và xã hội.</li> <li>- Có ý thức học tập, rèn luyện để phát huy truyền thống của nhà trường. Tích cực đóng góp cho các hoạt động công ích.</li> <li>- Vận động người khác gìn giữ và phát huy truyền thống của nhà trường, bảo vệ của công, chấp hành luật pháp và tham gia vào các hoạt động công ích.</li> </ul>

4.4. Có trách nhiệm với môi trường sống	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trân trọng, giữ gìn tài nguyên thiên nhiên và môi trường sống. Hiểu rõ ý nghĩa của tiết kiệm đối với sự phát triển bền vững của môi trường sống.</li> <li>- Sử dụng tiết kiệm tài nguyên; đấu tranh chống lại các hành vi lãng phí tài nguyên, huỷ hoại môi trường sống.</li> <li>- Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia tuyên truyền vận động xã hội bảo vệ tài nguyên và môi trường.</li> </ul>
<b>5. Tự trọng</b>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ý thức coi trọng, giữ gìn giá trị, phẩm chất, danh dự của bản thân trên cơ sở đánh giá đúng các điểm mạnh điểm yếu.</li> <li>- Biết bảo vệ, giữ gìn và hoàn thiện bản thân qua việc không ngừng trau dồi tri thức, tu dưỡng đạo đức, hoàn thiện toàn diện các kĩ năng sống; Biết tránh cho bản thân khỏi những sự xâm hại của tệ nạn, tiêu cực từ môi trường.</li> <li>- Biết đề cao giá trị của những người xung quanh; khích lệ, cổ vũ họ phát huy lòng tự trọng trong học tập và cuộc sống.</li> </ul>
<b>6. Chăm chỉ</b>	
6.1. Ham học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hứng thú, tự giác, chủ động, sáng tạo trong tiếp cận kiến thức mới qua sách vở và thực tiễn.</li> <li>- Có ý thức học hỏi từ mọi người, từ cuộc sống, không ngừng hoàn thiện bản thân.</li> <li>- Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</li> <li>- Có ý chí vượt khó khăn để học tập hiệu quả.</li> <li>- Tích cực chia sẻ kiến thức của bản thân cho những người xung quanh.</li> </ul>
6.2. Chăm làm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu thích, hứng thú, chủ động, sáng tạo trong công việc.</li> <li>- Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào công việc.</li> <li>- Có ý chí vượt khó khăn để làm việc hiệu quả.</li> <li>- Có định hướng nghề nghiệp và quyết tâm theo đuổi mục tiêu đó.</li> <li>- Tích cực hỗ trợ, giúp đỡ người khác trong học tập và trong công việc.</li> </ul>
<b>7. Kỉ luật</b>	
7.1. Với bản thân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ý thức tự hướng định hướng bản thân thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các kế hoạch học tập và sinh hoạt cá nhân.</li> <li>- Nhận thức đúng đắn về hiệu quả của tính kỉ luật trong học tập và cuộc sống; biết cách lập kế hoạch cá nhân khoa học, hiệu quả; can đảm, kiên trì, quyết tâm vượt mọi khó khăn chủ quan và khách quan để thực hiện các kế hoạch đó.</li> <li>- Tôn trọng, đề cao tính kỉ luật của người khác; khuyến khích, cổ vũ họ lập kế hoạch học tập và sinh hoạt và thực hiện nghiêm túc kế hoạch đó.</li> </ul>

7.2. Với tập thể	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ý thức tôn trọng và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các quy định của nhà trường và xã hội.</li> <li>- Nhận thức đúng đắn về ý nghĩa của các quy định chung đối với tập thể và cá nhân; nắm vững các quy định của nhà trường và những vấn đề luật pháp cơ bản của xã hội; tự giác, kiên trì, can đảm, quyết tâm vượt mọi khó khăn chủ quan và khách quan để thực hiện nghiêm các nội quy, luật lệ chung.</li> </ul>
------------------	---

### 3.2.2. Biểu hiện năng lực của học sinh

#### 3.2.2.1. Các năng lực chung

Năng lực	Học sinh THCS Ngoại ngữ
<b>1. Năng lực thấu hiểu bản thân, tự chủ và tự học</b>	
1.1. Thấu hiểu bản thân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là khả năng nắm bắt chính xác những trạng thái cảm xúc, những ước mơ, khát vọng, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong tình huống cụ thể thông qua phân tích, tổng hợp, đánh giá các thông tin chủ quan và khách quan.</li> <li>- Có thể điều tiết, làm chủ cảm xúc, thái độ; định hướng hành vi theo hướng tích cực; phát huy điểm mạnh, hạn chế điểm yếu của bản thân; xác định các mục tiêu học tập và công việc phù hợp, lập kế hoạch và thực hiện hiệu quả...</li> <li>- Cầu thị khám phá chính mình; chủ động phân tích các thay đổi tâm lý, cảm xúc, hành vi của bản thân; khao khát nhận phản hồi và chủ động điều chỉnh bản thân theo hướng tích cực.</li> </ul>
1.2. Tự lực	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự học tập, làm việc, sinh sống bằng chính sức khoẻ, năng lực, phẩm chất của bản thân, không trông chờ, ỷ lại vào các sự hỗ trợ khác.</li> <li>- Biết thể hiện thái độ không đồng tình với những người sống ỷ lại, dựa dẫm.</li> <li>- Tích cực giúp đỡ người sống ỷ lại vươn lên sống tự lực.</li> </ul>
1.3. Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu, khẳng định, bảo vệ những quyền lợi chính đáng của bản thân (phù hợp với đạo đức và pháp luật).</li> <li>- Biết tỏ thái độ không đồng tình đối với những quyền lợi không chính đáng của người khác; biết thẳng thắn, tự tin khẳng định bản thân.</li> <li>- Tích cực tuyên truyền, vận động người khác khẳng định và bảo vệ quyền lợi chính đáng của mỗi cá nhân.</li> </ul>
1.4. Tự kiểm soát tình cảm, thái độ, hành vi của mình	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu rõ, đánh giá được những cảm xúc, thái độ, hành vi và mối ảnh hưởng giữa cảm xúc và hành vi.</li> <li>- Biết cách điều chỉnh cảm xúc, thái độ, hành vi theo hướng tích cực: lạc quan, cẩn trọng, điềm tĩnh, thấu đáo,... trong mọi tình huống.</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tích cực tác động, giúp đỡ để người xung quanh hiểu bản thân và có thái độ, hành động đúng đắn.</li> </ul>
1.5. Tự định hướng nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được sở trường, năng lực, nguyện vọng chọn nghề nghiệp của bản thân.</li> <li>- Nắm được các thông tin cần thiết liên quan đến ngành nghề để chủ động định hướng được nghề nghiệp tương lai.</li> <li>- Nỗ lực theo đuổi kế hoạch để đạt được mục tiêu nghề nghiệp.</li> <li>- Chia sẻ, hỗ trợ bạn bè định hướng nghề nghiệp.</li> </ul>
1.6. Tự học, tự hoàn thiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự xác định nhiệm vụ, mục tiêu học tập để đưa ra kế hoạch học tập phù hợp.</li> <li>- Tự đánh giá và điều chỉnh kế hoạch học tập phù hợp với thực tế.</li> <li>- Biết tham khảo ý kiến, học hỏi từ những người xung quanh.</li> <li>- Chia sẻ kinh nghiệm, cổ vũ người khác tự học, tự hoàn thiện.</li> </ul>
<b>2. Năng lực giao tiếp, hợp tác và lãnh đạo</b>	
2.1. Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được mục đích giao tiếp phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; dự kiến được thuận lợi, khó khăn để đạt được mục đích trong giao tiếp.</li> <li>- Biết lựa chọn nội dung, kiểu loại văn bản, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp.</li> <li>- Tiếp nhận được các văn bản về những vấn đề khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp của bản thân, có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng.</li> <li>- Biết sử dụng sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá về các vấn đề trong khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp.</li> <li>- Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.</li> </ul>
2.2. Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết thiết lập, duy trì và phát triển các mối quan hệ xã hội dựa trên sự thấu hiểu những suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác.</li> <li>- Có khả năng nhận biết và hoá giải các mâu thuẫn.</li> <li>- Tích cực vận động hướng tới xây dựng một xã hội thân ái, nhân văn.</li> </ul>
2.3. Xác định mục đích và phương thức hợp tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết xác định những vấn đề cần giải quyết bằng hợp tác làm việc theo nhóm.</li> <li>- Biết đề xuất vấn đề cần hợp tác theo nhóm và đưa ra phương thức hợp tác phù hợp.</li> </ul>
2.4. Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được vai trò, vị trí, nhiệm vụ của bản thân trong hoạt động nhóm.</li> </ul>



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nỗ lực hoàn thành tốt phần việc của bản thân theo tinh thần xây dựng, học hỏi, hợp tác.</li> <li>- Sẵn sàng nhận nhiệm vụ mới, khó; sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ các thành viên khác trong nhóm.</li> </ul>
2.5. Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá được năng lực và khả năng hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm để phân công công việc hợp lý.</li> <li>- Chủ động thay đổi, điều chuyển công việc của các thành viên phù hợp tình hình.</li> <li>- Sẵn sàng giúp đỡ thành viên khi gặp khó khăn trong công việc.</li> </ul>
2.6. Tổ chức và thuyết phục người khác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết phân công nhiệm vụ, lên kế hoạch và theo dõi, giám sát các hoạt động nhóm.</li> <li>- Chủ động lắng nghe, tiếp thu ý kiến để điều chỉnh cách thức tổ chức hoạt động.</li> <li>- Tạo không khí làm việc hài hoà, phấn chấn; động viên, thuyết phục các thành viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.</li> </ul>
2.7. Đánh giá hoạt động hợp tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khả năng tổng kết, nhận xét các hoạt động của nhóm nói chung và mức độ đóng góp của các thành viên nói riêng dựa trên mục tiêu ban đầu của hoạt động nhóm.</li> <li>- Có khả năng rút kinh nghiệm cho bản thân và các thành viên theo tinh thần xây dựng.</li> <li>- Biết ưu tiên sự đồng viên, khích lệ, ghi nhận đóng góp tích cực của các thành viên.</li> </ul>
2.8. Hội nhập quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tinh thần hội nhập quốc tế trên cơ sở hiểu biết cơ bản về: các quốc gia trong khu vực và trên thế giới; về luật pháp quốc tế và mối quan hệ giữa Việt Nam với thế giới.</li> <li>- Chủ động phát huy các kiến thức, kỹ năng để học hỏi, giao lưu, tìm kiếm cơ hội hợp tác với nước ngoài.</li> <li>- Có ý thức giữ gìn bản sắc dân tộc trong hội nhập quốc tế.</li> </ul>
<b>3. Năng lực giải quyết vấn đề, năng động và sáng tạo</b>	
3.1. Nhận ra ý tưởng mới	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết thu thập, phân tích và xử lý thông tin để tìm ra ý tưởng mới.</li> <li>- Biết đánh giá độ tin cậy và hiệu quả thực tiễn của ý tưởng mới.</li> <li>- Có khả năng dự kiến hướng triển khai ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống.</li> </ul>
3.2. Phát hiện và làm rõ vấn đề	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết thu thập, phân tích và xử lý thông tin để tìm ra tình huống có vấn đề trong học tập và cuộc sống.</li> <li>- Biết nhìn nhận tình huống có vấn đề trong mối quan hệ đa chiều.</li> <li>- Tìm được ý nghĩa của tình huống đó trong học tập và thực tiễn.</li> </ul>

3.3. Hình thành và triển khai ý tưởng mới	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết hình thành, đề xuất và triển khai ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống.</li> <li>- Biết linh hoạt điều chỉnh, cập nhật các cách thức triển khai, kết nối các ý tưởng để đạt hiệu quả cao.</li> <li>- Có khả năng nhận biết rủi ro, có phương án dự phòng hiệu quả.</li> </ul>
3.4. Đề xuất, lựa chọn giải pháp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết thu thập, phân tích và xử lý thông tin liên quan đến vấn đề để tìm các giải pháp.</li> <li>- Biết đề xuất và phân tích được ưu, nhược điểm của một số giải pháp.</li> <li>- Có khả năng đánh giá, lựa chọn giải pháp tối ưu.</li> </ul>
3.5. Thực hiện và đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết áp dụng và đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề.</li> <li>- Biết phân tích để nhận ra sự phù hợp hay không phù hợp của một giải pháp trong tình huống cụ thể.</li> <li>- Có khả năng điều chỉnh, tìm giải pháp phù hợp.</li> </ul>
3.6. Tư duy độc lập	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khả năng suy xét, phân tích vấn đề một cách độc lập với tư duy đa chiều.</li> <li>- Biết đặt nhiều câu hỏi nhằm phát hiện vấn đề mới.</li> <li>- Biết quan tâm đến chứng cứ khoa học khi nhìn nhận, đánh giá sự việc.</li> <li>- Không cứng nhắc, máy móc trong tiếp cận vấn đề; sẵn sàng tiếp thu, điều chỉnh theo hướng mới mẻ, hợp lý.</li> </ul>
3.7. Sáng tạo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khả năng hoạt động sôi nổi, tích cực, hiệu quả trong mọi tình huống.</li> <li>- Biết trau dồi tri thức, rèn luyện thể lực để có năng lượng toàn diện cho các hoạt động mới; biết lên kế hoạch công việc theo thứ tự ưu tiên và thực hiện với tinh thần kỉ luật cao; biết phối hợp với các cá nhân khác tăng hiệu quả công việc.</li> <li>- Lan truyền động lực sống và chia sẻ kĩ năng thích ứng trong công việc cho người khác.</li> </ul>

### 3.2.2.2. Các năng lực chuyên môn

Năng lực	Học sinh THCS Ngoại ngữ
<b>4. Năng lực ngôn ngữ</b>	
4.1. Sử dụng tiếng Việt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết sử dụng tiếng Việt trong các tình huống cuộc sống hàng ngày (chào hỏi, bộc lộ tình cảm, cảm xúc, đối thoại, tranh luận,...) đạt hiệu quả cao; biết trình bày và bảo vệ quan điểm của cá nhân một cách chặt chẽ, có sức thuyết phục.</li> <li>- Biết nghe hiểu và chất lọc được thông tin quan trọng, bỏ ích từ các cuộc đối thoại, thảo luận, tranh luận phức tạp; có phản hồi linh hoạt và phù hợp.</li> <li>- Biết đọc hiểu các loại văn bản trong chương trình; linh hoạt và vận dụng được tri thức, kĩ năng đọc hiểu ngôn ngữ để đọc hiểu</li> </ul>

	<p>các văn bản ngoài chương trình, các văn bản trong đời sống; Biết phản hồi một cách tích cực và hiệu quả những nội dung đã đọc, luôn có ý thức tìm tòi, mở rộng phạm vi đọc, vận dụng ngôn ngữ vào đời sống.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết viết đúng và sáng tạo các kiểu loại văn bản về các chủ đề học tập và đời sống; biết trình bày một cách thuyết phục quan điểm của cá nhân, có tính đến quan điểm của người khác.</li> </ul>
4.2. Sử dụng ngoại ngữ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt năng lực bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam về Ngoại ngữ 1.</li> <li>- Đạt năng lực bậc 1 về Ngoại ngữ 2.</li> <li>- Sử dụng thành thạo Ngoại ngữ 1 với 4 kỹ năng: nghe – nói – đọc – viết trong học tập và trong cuộc sống.</li> <li>- Sử dụng được Ngoại ngữ 2 trong giao tiếp đơn giản.</li> </ul>
<b>5. Năng lực tính toán</b>	
5.1. Hiểu biết kiến thức toán học phổ thông, cơ bản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có những kiến thức cơ bản về số và hệ thống số; biết sử dụng thành thạo các phép tính và các công cụ tính toán.</li> <li>- Có những kiến thức cơ bản về số học và đại số.</li> <li>- Hiểu một cách có hệ thống về biểu thức đại số, phương trình bậc nhất, bậc hai và ứng dụng.</li> <li>- Có những kiến thức cơ bản về hình học phẳng và biết sử dụng chúng để mô tả các đối tượng của thế giới xung quanh.</li> <li>- Hiểu những ứng dụng cơ bản của thống kê và xác suất cổ điển.</li> </ul>
5.2. Biết cách vận dụng các thao tác tư duy, suy luận; tính toán, ước lượng, sử dụng các công cụ tính toán và dụng cụ đo,...; đọc hiểu, diễn giải, phân tích, đánh giá tình huống có ý nghĩa toán học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết thực hiện nhuần nhuyễn các thao tác tư duy.</li> <li>- Biết sử dụng các phương pháp lập luận, suy luận hợp lý khi giải quyết các vấn đề; biết rút ra kết luận logic và hệ quả (trong các trường hợp không quá phức tạp).</li> <li>- Biết tạo dựng sự kết nối (tạo mối liên kết) giữa các ý tưởng Toán học, giữa toán học với các môn học khác cũng như giữa Toán học với cuộc sống hằng ngày; biết giải thích hoặc điều chỉnh giải pháp một cách hợp lý.</li> <li>- Bước đầu hiểu được rằng những ý tưởng và phương pháp của Toán học là ngôn ngữ phổ quát của khoa học và công nghệ, đồng thời cũng là những công cụ mô phỏng các hiện tượng và các quá trình diễn ra trong tự nhiên và xã hội.</li> <li>- Biết sử dụng hiệu quả máy tính cầm tay trong học tập và trong cuộc sống.</li> </ul>
<b>6. Năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội</b>	
6.1. Năng lực tìm hiểu tự nhiên	
6.1.1. Hiểu biết kiến thức khoa học tự nhiên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được kiến thức khoa học tự nhiên trong sách giáo khoa và các tài liệu khoa học tự nhiên khác; lĩnh hội được kiến thức tự nhiên trong thực tiễn cuộc sống</li> <li>- Biết thu thập, lưu trữ, tổ chức, phân tích, xử lý thông tin theo ý tưởng của bản thân để phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa</li> </ul>

	<p>học và trình bày được ý tưởng bằng lời nói, bài viết, hình vẽ, sơ đồ, bảng, biểu,...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu biết kiến thức phổ thông cốt lõi về ngành, nghề, lĩnh vực khoa học theo thiên hướng của bản thân.</li> </ul>
6.1.2. Tìm tòi và khám phá thế giới tự nhiên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được một số kỹ năng cơ bản trong tìm tòi, khám phá một số sự vật hiện tượng trong tự nhiên và đời sống: quan sát, thu thập thông tin; phân tích, xử lý số liệu; dự đoán kết quả nghiên cứu,.... Giải thích được một số hiện tượng khoa học đơn giản gắn gũi với đời sống, sản xuất.</li> <li>- Thực hiện được một số kỹ năng tìm tòi, khám phá theo tiến trình: đặt câu hỏi cho vấn đề nghiên cứu, xây dựng giả thuyết, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề; trình bày kết quả nghiên cứu.</li> <li>- Thực hiện được việc phân tích, so sánh, rút ra những dấu hiệu chung và riêng của một số sự vật, hiện tượng đơn giản trong tự nhiên. Biết cách sử dụng các chứng cứ khoa học, lý giải các chứng cứ để rút ra kết luận.</li> </ul>
6.1.3. Vận dụng kiến thức vào thực tiễn, ứng xử với tự nhiên phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững và bảo vệ môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng được kiến thức khoa học vào một số tình huống cụ thể; mô tả, dự đoán, giải thích hiện tượng, giải quyết các vấn đề một cách khoa học.</li> <li>- Biết ứng xử thích hợp trong các tình huống có liên quan đến vấn đề sức khoẻ của bản thân, gia đình và cộng đồng.</li> </ul>
6.2. Năng lực tìm hiểu xã hội	
6.2.1. Hiểu biết kiến thức khoa học xã hội	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được một số khái niệm cơ bản liên quan đến đối tượng của khoa học xã hội, như: phân hóa xã hội, khác biệt xã hội và xung đột xã hội, chiến tranh, cách mạng, tiến bộ xã hội,...</li> <li>- Hiểu được những tri thức cơ bản về một số đối tượng của khoa học xã hội: quá trình tiến hóa của lịch sử nhân loại, lịch sử các nền văn minh, giá trị đạo đức truyền thống, bản sắc văn hóa và giao lưu văn hóa; quá trình phát triển nhân cách, truyền thông đại chúng, kết nối toàn cầu và toàn cầu hóa; xung đột xã hội, chiến tranh và cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới, quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân Việt Nam và công dân toàn cầu,...</li> <li>- Hiểu được các xu hướng vận động cơ bản của nhân loại trên các phương diện chính trị, kinh tế, xã hội, tư tưởng, văn hóa, nghệ thuật, quốc phòng và an ninh, khoa học và công nghệ, hôn nhân, giới và gia đình,...</li> <li>- Hiểu được những quy luật chung của quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam trong mối liên hệ với khu vực và thế giới.</li> <li>- Hiểu được một số đặc điểm của dân cư (động lực phát triển dân số, cơ cấu dân số, phân bố dân cư, các loại hình quần cư) và</li> </ul>

	<p>những vấn đề xã hội có liên quan (lao động - việc làm, thất nghiệp, đô thị hóa...) cũng như các hoạt động sản xuất của xã hội (nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp - xây dựng, dịch vụ) ở thế giới và Việt Nam phù hợp với trình độ nhận thức và lứa tuổi của học sinh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được mối quan hệ qua lại giữa xã hội với tự nhiên, phát triển bền vững</li> <li>- Hiểu được đặc trưng, vai trò, nhiệm vụ và trách nhiệm của thanh niên với tư cách công dân toàn cầu.</li> </ul>
6.2.2. Rèn luyện tư duy và phương pháp nghiên cứu cơ bản về khoa học xã hội	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết tự nghiên cứu (cá nhân hoặc nhóm) về một vấn đề của xã hội.</li> <li>- Biết tham gia tranh luận về một hoặc một số vấn đề đang đặt ra trong đời sống xã hội đương đại, nhất là các vấn đề trực tiếp liên quan đến thế hệ thanh niên hiện nay.</li> <li>- Hình thành các phương pháp, kỹ thuật cơ bản thu thập, phân tích và xử lý thông tin.</li> <li>- Biết trình bày và phân tích các nhân vật, sự kiện, quá trình xã hội từ những góc độ, chiều cạnh khác nhau.</li> <li>- Biết cách trình bày các ý kiến, lập luận, tranh luận về các vấn đề xã hội.</li> </ul>
6.2.3. Vận dụng được những tri thức về xã hội và văn hóa vào cuộc sống	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thái độ tích cực với những chính sách của Nhà nước (như chính sách xã hội, chính sách thanh niên, dân số và gia đình...) và bước đầu biết cách tuyên truyền, giải thích cho gia đình, bạn bè, cộng đồng hiểu và tham gia ủng hộ.</li> <li>- Có niềm tin vào tính đúng đắn của các chuẩn mực đạo đức và những giá trị xã hội tốt đẹp; có trách nhiệm đối với bản thân và xã hội; có nhu cầu tự điều chỉnh, tự hoàn thiện để trở thành một chủ thể xã hội tích cực, năng động.</li> <li>- Có thái độ đúng đắn về phát triển bền vững, bằng những hành động động cụ thể đóng góp vào phát triển bền vững.</li> <li>- Biết tự quản lý và làm chủ bản thân, biết hợp tác và sáng tạo, đương đầu với thử thách để giải quyết các vấn đề đạo đức, pháp luật, kinh tế, chính trị-xã hội.</li> </ul>
<b>7. Năng lực công nghệ</b>	
7.1. Thiết kế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của thiết kế, các yếu tố ảnh hưởng tới thiết kế, quy trình thiết kế, các nghề nghiệp liên quan tới thiết kế.</li> <li>- Biết sử dụng một số công cụ trong hỗ trợ thiết kế.</li> <li>- Biết tư duy thiết kế trong tìm tòi, sáng tạo thuộc các lĩnh vực khác nhau của đời sống, xã hội.</li> </ul>
7.2. Sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát hóa được nguyên tắc sử dụng một số sản phẩm kỹ thuật, công nghệ an toàn, hiệu quả.</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thể khám phá được chức năng, cách thức sử dụng của một số thiết bị kỹ thuật, công nghệ thông qua tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm, đọc tài liệu đi kèm hoặc xem video hướng dẫn.</li> </ul>
7.3. Giao tiếp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng được các bản vẽ kỹ thuật trong giao tiếp về sản phẩm, dịch vụ kỹ thuật, công nghệ.</li> <li>- Biết sử dụng các phần mềm đồ họa để biểu diễn, nâng cao tính trực quan cho các ý tưởng thiết kế.</li> </ul>
7.4. Đánh giá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết lập luận và bước đầu đưa ra được những đánh giá về xu hướng kỹ thuật, công nghệ.</li> <li>- Biết đưa ra gợi ý về việc lựa chọn, sử dụng các sản phẩm kỹ thuật, công nghệ.</li> </ul>
<b>8. Năng lực tin học</b>	
8.1. Hiểu biết và ứng xử phù hợp chuẩn mực đạo đức, văn hóa và pháp luật trong xã hội thông tin và nền kinh tế tri thức	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tôn trọng pháp luật, thể hiện được phẩm chất đạo đức và văn hóa Việt Nam trong việc sử dụng các sản phẩm tin học cũng như trong việc tạo ra các sản phẩm nhờ ứng dụng Tin học.</li> <li>- Hiểu được những tác động và ảnh hưởng của Tin học đối với nhà trường và xã hội.</li> <li>- Sẵn sàng tham gia các hoạt động tin học một cách tự tin, năng động, có trách nhiệm và sáng tạo.</li> </ul>
8.2. Sử dụng và quản lý các phương tiện, công cụ, các hệ thống tự động hóa của công nghệ thông tin và truyền thông	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng phối hợp được các thiết bị và phần mềm thông dụng (trong đó có các thiết bị cảm tay thông minh) để phục vụ học tập và đời sống.</li> <li>- Hiểu biết cơ bản về phần cứng, phần mềm, biết sử dụng các hệ điều hành phổ biến, các phần mềm chủ chốt (MS Word, MS Excel, MS Powerpoint), hiểu biết và sử dụng thành thạo những ứng dụng cơ bản của mạng và Internet (thư điện tử, trình duyệt web, mạng xã hội, tìm kiếm thông tin) được chứng nhận bởi chứng chỉ quốc tế IC3 (hoặc tương đương).</li> <li>- Biết tổ chức và lưu trữ dữ liệu an toàn.</li> <li>- Biết cách khắc phục các sự cố đơn giản, thường gặp khi làm việc trên máy tính: Mạng, máy tính, màn hình, máy in...</li> </ul>
8.3. Nhận biết và giải quyết vấn đề trong môi trường xã hội và nền kinh tế tri thức	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết tìm kiếm và lựa chọn thông tin tin cậy, phù hợp với vấn đề cần giải quyết.</li> <li>- Biết sử dụng các công cụ để tổ chức và chia sẻ dữ liệu và thông tin</li> <li>- Biết sử dụng hệ thống mạng máy tính giúp giải quyết vấn đề và trải nghiệm sáng tạo.</li> </ul>
8.4. Học tập, tự học với sự hỗ trợ của các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết sử dụng một số phần mềm hỗ trợ học tập, tự tin và sẵn sàng tìm hiểu những phần mềm tương tự.</li> <li>- Biết sử dụng môi trường mạng máy tính phục vụ cập nhật kiến thức, tìm hiểu tri thức mới; biết tận dụng nguồn tài nguyên số hóa để học tập.</li> </ul>

8.5. Giao tiếp, hòa nhập, hợp tác phù hợp với thời đại xã hội thông tin và nền kinh tế tri thức	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ động lựa chọn, sử dụng công cụ, dịch vụ tin học một cách hệ thống, hiệu quả, an toàn trong hợp tác, chia sẻ, trao đổi thông tin, mở mang tri thức và tạo sản phẩm hữu ích.</li> <li>- Biết các rủi ro có thể có khi giao tiếp trong môi trường tin học, biết cách sử dụng biện pháp phòng tránh căn bản, thông dụng.</li> <li>- Biết cách phòng tránh các hội chứng chấn thương do quá trình làm việc trên máy tính.</li> </ul>
<b>9. Năng lực thẩm mỹ</b>	
9.1. Nhận biết các yếu tố thẩm mỹ (cái đẹp, cái bi, cái hài, cái chân, cái thiện, cái cao cả)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được giá trị phổ biến của văn hoá thẩm mỹ Việt Nam, một số giá trị nghệ thuật, nhân văn cơ bản của nhân loại và ảnh hưởng của chúng đến các lĩnh vực đời sống xã hội.</li> <li>- Có cảm xúc và thể hiện thái độ, quan điểm trước các hiện tượng thẩm mỹ trong tự nhiên, trong đời sống xã hội và văn học, nghệ thuật.</li> </ul>
9.2. Phân tích, đánh giá các yếu tố thẩm mỹ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết trình bày, phân tích, đánh giá tính thẩm mỹ, phản thẩm mỹ; giá trị vật liệu, giá trị văn hoá trong nội dung và hình thức của các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và các sản phẩm trong đời sống xã hội, trong văn học, nghệ thuật.</li> <li>- Biết đánh giá mức độ thẩm mỹ, biểu hiện của tính thẩm mỹ của các sự vật hiện tượng trong tự nhiên và trong đời sống xã hội, văn học, nghệ thuật</li> </ul>
9.3. Tái hiện, sáng tạo và ứng dụng các yếu tố thẩm mỹ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết đề xuất ý tưởng thẩm mỹ, bước đầu biết cách thể hiện ý tưởng đó một cách sáng tạo, có chọn lọc, phù hợp với hoàn cảnh và quan niệm thẩm mỹ tích cực, tạo được dấu ấn cá nhân/nhóm.</li> <li>- Biết sử dụng kết quả học tập/sáng tạo thẩm mỹ vào các hoạt động trong nhà trường, đoàn thể, xã hội; quảng bá giá trị văn hóa, văn học, nghệ thuật truyền thống của dân tộc.</li> </ul>
<b>10. Năng lực thể chất</b>	
10.1. Sống thích ứng và hài hòa với môi trường	Nêu được cơ sở khoa học của các biện pháp bảo vệ môi trường, điều chỉnh chế độ sinh hoạt, học tập và tập luyện phù hợp với bản thân, thực hành các hoạt động phù hợp thích ứng với các hoạt động xã hội.
10.2. Nhận biết và có các kỹ năng vận động cơ bản trong cuộc sống	Hiểu được thể chất và sức khỏe; có thói quen và biết lựa chọn các hình thức tập luyện TDTT phù hợp để hoàn thiện và nâng cao các kỹ năng vận động của cơ thể.
10.3. Nhận biết và hình thành các tố chất thể lực cơ bản trong cuộc sống	Biết đọc hiểu các chỉ số cơ bản về sức khỏe và thể chất; có thói quen và biết lựa chọn các hình thức tập luyện TDTT phù hợp để cải thiện và nâng cao các tố chất thể lực cơ bản cho bản thân.

10.4. Nhận biết và tham gia hoạt động TDTT	Hiểu được tác dụng, vẻ đẹp của thể chất và năng khiếu của thể thao; hiểu được các yếu tố cơ bản của môn thể thao lựa chọn; có thói quen và biết lựa chọn các hình thức tập luyện thể thao phù hợp để cải thiện và nâng cao thành tích tập luyện thể thao; có nhu cầu hưởng thụ và tập luyện TDTT.
10.5. Đánh giá hoạt động vận động	Biết đánh giá và xử lý các tình huống cụ thể trong cuộc sống một cách hợp lý, có trách nhiệm và hòa đồng môi trường sống xung quanh; yêu thích và đánh giá đúng vai trò của TDTT với cuộc sống xã hội.